



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 26/11/2025 (Wednesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3	22:49	02:00	↗
3.5	02:57	06:00	↘
0.8	11:03	14:45	↗
3.5	19:15	22:30	↘
3	23:41	03:00	↗
3.4	03:32	06:30	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Trung - Duy	NYK ISABEL	9.9	210	27,003	P/s3 - CL3	01:00	// 04.00Cano DL	A5-A9
2	H.Trường	JOSCO LUCKY	9.7	172	18,885	P/s3 - BP5	01:00	Tăng cường dây	A2-A3
3	Th.Hùng	CEBU	9.8	172	18,491	P/s3 - BP6	02:00	Tăng cường dây	A1-A5
4	Anh	MILD SYMPHONY	8.4	148	9,929	H25 - TCHP	02:00	// 04.00	08-12
5	P.Cần - H.Thanh	ANBIEN BAY	8.7	172	17,515	P/s3 - CL7	11:00	// 14.00	A2-01
6	N.Hiến - M.Cường	MCC ANDALAS	8.3	148	9,954	P/s3 - CL4-5	11:30	// 14.00	A3-08
7	K.Toàn	MAERSK NUSSFJORD	9.5	172	25,805	P/s3 - CL5	17:00	// 20.00	A1-A5
8	Kiên - M.Hùng	INTERASIA VISION	9.8	170	18,935	P/s3 - CL1	17:00	// 20.00	A3-A5
9	Son - Chính	CNC CHEETAH	10.5	186	31,999	P/s3 - CL3	18:00	// 21.00 Y/c MT	A5-A9
10	Vinh	POS LAEMCHABANG	9.9	172	17,846	P/s3 - CL4	23:30	// 22.00	A2-A3
11	Đào	INFINITY	9.5	172	17,119	P/s3 - CL7	22:00	// 24.00	
12	Tân	POS SINGAPORE	7.9	172	17,846	H25 - TCHP	22:30	// 01.00	
13	T.Cần - Hoàn	TRUONG AN 06	7	96	2,917	H25 - CAN GIO	15:00	ĐX	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Duyệt - M.Tùng	HMM DAON	13.8	366	152,003	CM3 - P/s3	03:00	MT, VTX	MR-KS-AWA
2	Đức	IRENES RAINBOW	9.7	186	30,221	P/s3 - CM3	03:00	MP	MR-KS
3	Giang	LINTAS BAHARI 23	3	71	1,259	Rac Tac - P/s2	18:00		2 Lai gỗ
4	N.Tuấn	VIRA BHUM	9.7	195	25,217	P/s3 - CM4	09:00	Y/c MP	A10-ST2
5	Quang	HAIAN DELL	8.7	172	17,280	P/s3 - CM3	11:30	Y/c MT	MR-KS

6	Q.Hung	IRENES RAINBOW	10.5	186	30,221	CM3 - P/s3	12:00	MP	MR-KS
7	Thịnh - Đăng	WAN HAI A11	11.4	335	122,045	CM2 - P/s3	23:30	MP	MR-KS-AWA
8	N.Hoàng - V.Tùng	ZIM TOPAZ	12.5	272	74,693	P/s3 - CM2	23:30		MR-KS
9	M.Hải - P.Hải	COSCO SHIPPING CARNATION	12.5	366	157,741	P/s3 - CM4	20:00	Y/c MP, VTX	A10-H2-ST2
10	N.Thanh	VIRA BHUM	10.9	195	25,217	CM4 - P/s3	19:00	MP	A10-ST2
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Toản	KMTC SINGAPORE	9	172	16,659	CL4 - P/s3	00:30		A1-A3
2	N.Minh	KMTC SHANGHAI	9.9	188	20,815	CL5 - P/s3	01:00		A1-A9
3	Đ.Chiến - V.Dũng	SPIL NIRMALA	8.6	212	26,638	CL3 - P/s3	02:30	Cano DL	A5-A9
4	Nhật	YM HARMONY	6.5	169	15,167	TCHP - H25	04:00		08-12
5	Phú	YM INSTRUCTION	9	173	16,488	CL7 - P/s3	05:30		A1-TM
6	N.Dũng - Quyền	TIDE CAPTAIN	7.8	162	13,406	TCHP - H25	06:00		08-12
7	Hà - Diệu	MIYUNHE	9.5	183	16,738	BNPH - P/s3	13:00		A2-A9
8	Nghị	KMTC JARKATA	8.9	172	16,659	CL4 - P/s3	13:30		A2-A3
9	N.Cường	KMTC XIAMEN	10	197	27,997	CL4-5 - P/s3	15:00		A3-A9
10	Chương	NIMTOFTE MAERSK	8	172	26,255	CL5 - P/s3	14:30		A9-TM
11	Quân - Tín	NYK ISABEL	9.9	210	27,003	CL3 - P/s3	20:30	Cano DL	A5-A9
12	Hồng	HANSA FRESBURG	10.4	176	18,296	CL1 - P/s3	16:00		A1-A2
13	N.Chiến	JOSCO LUCKY	7.8	172	18,885	CL4 - P/s3	22:30		A2-01
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Quyết	CEBU	9.8	172	18,491	BP6 - BNPH	13:30		A1-A5
2	Uy	JOSCO LUCKY	9.7	172	18,885	BP5 - CL4	14:00		A2-01